

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 04 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Trọng và Bùi Thị Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Than - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Quách Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/8/1991 tại huyện T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Á, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn H và bà Trần Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2021, bị Công an quận T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, do xâm hại đến sức khỏe của người khác; bị tạm giữ ngày 05/9/2023 đến ngày 14/9/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2023 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bùi Văn T2, sinh năm 2002; nơi cư trú: Xóm N, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị hại Bùi Văn T2: Bà Đinh Thị Y - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Thế D,

sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 05/9/2023, Bùi Văn T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28H1 - 622.52 đi đến xóm L, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình để xuống bờ sông Đ lấy lưới cá. Khi đến nơi, T2 đỗ xe ở mép đường bên phải gần nhà ông C, là bác ruột của T2. Do sợ bị ướm chiếc điện thoại di động của mình, nên T2 đã để chiếc điện thoại này ở trên xe mô tô (Phần ốp nhựa nối giữa đầu xe và thân xe mô tô), rồi đi xuống bờ sông. Chiếc điện thoại di động của T2 có đặc điểm màu đen, nhãn hiệu IPHONE 11, dung lượng 64 GB, có số IMEI 356327105008574, bên ngoài điện thoại bọc ốp nhựa màu đen. Lúc này, có Quách Văn T là người điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Y5 - 693.04 từ xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình đến xã S để tìm mua phế liệu. Khi đi qua đoạn đường mà T2 đang đỗ xe, T nhìn thấy chiếc điện thoại của T2 để ở trên xe mô tô, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. T điều khiển xe mô tô qua một đoạn và quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, nên đã quay xe mô tô lại, lấy chiếc điện thoại và cất vào túi quần của mình đang mặc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi ra đường tỉnh lộ 435 theo hướng cảng N để tiếp tục đi mua phế liệu. Khi đi đến cảng N, T lấy chiếc điện thoại vừa lấy trộm được ra để tắt nguồn điện thoại, nhằm mục đích để không ai gọi được.

Bùi Văn T2 sau khi lấy lưới cá xong, đi lên chỗ đỗ xe mô tô của mình thì không thấy chiếc điện thoại của mình đâu. T2 đến gặp ông C hỏi thì được biết là vừa có người mua phế liệu đi qua. T2 đã điều khiển xe mô tô đi đến cảng N thì gặp Quách Văn T là người đi mua phế liệu. T2 hỏi T có lấy chiếc điện thoại để trên xe mô tô không thì T thừa nhận có được lấy và T đã trả lại chiếc điện thoại trên cho T2. Sau đó, T2 đã đưa T đến Công an xã S để trình báo về hành vi của T đã trộm cắp chiếc điện thoại di động của T2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG, ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị chiếc điện thoại IPHONE 11, dung lượng 64 GB, có số IMEI 356327105008574, đã qua sử dụng, có giá trị là 5.400.000 đồng; giá trị ốp nhựa điện thoại là 13.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 5.413.000 (*Năm triệu bốn trăm mười ba nghìn*) đồng.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 29/11/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc đã truy tố Quách Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn T một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 của anh

Bùi Văn T2 như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng, không kêu oan.

* Đối với bị hại là anh Bùi Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai của anh T2 có trong giai đoạn điều tra thể hiện: Về sự việc ngày 05/9/2023, bị cáo Quách Văn T đã trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 của anh T2 đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Về trách nhiệm hình sự, ngày 11/10/2023 anh T2 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm cắp của anh T2 đã được bị cáo trả lại cho anh T2, nên anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

Lời khai của anh T2 có trong giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét công khai tại phiên tòa.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Thế D vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai của anh D có trong giai đoạn điều tra thể hiện: Do có mối quan hệ quen biết, anh D có cho bị cáo Quách Văn T mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Y5 - 693.04 thuộc sở hữu của mình từ tháng 8/2023, để T sử dụng làm phương tiện đi mua phế liệu. Việc bị cáo T trộm cắp tài sản của người khác thì anh D không biết. Ngày 12/10/2023, anh D đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô trên, nên anh D không có đề nghị gì.

Lời khai của anh D có trong giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét công khai tại phiên tòa.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo từ 08 (Tám) đến 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

+ Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Bùi Văn T2 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 cùng với 01 ốp lưng điện thoại. Về phía anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì, nên không xét đến.

+ Đối với xe mô tô biển kiểm soát 29Y5 - 693.04 của anh Nguyễn Thế D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cùng các giấy tờ liên quan cho anh D, nên không xét đến.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Các ý kiến tranh luận:

- Bị cáo Quách Văn T không có ý kiến tranh luận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị hại Bùi Văn T2: Nhất trí với Cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc đối với bị cáo Quách Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như đại diện Viện Kiểm sát đã nêu trong luận tội. Về trách nhiệm dân sự, chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm cắp của bị hại đã được trả lại cho bị hại. Về phía bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì, nên không xem xét đến.

* *Lời nói sau cùng của bị cáo Quách Văn T:* Bị cáo đã trộm cắp chiếc điện thoại di động của anh Bùi Văn T2 là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận. Bị cáo hứa sẽ không bao giờ tái phạm. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Về chứng cứ kết tội bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu thập hợp pháp gồm: Đơn trình báo của bị hại Bùi Văn T2 ngày 05/9/2023; Biên bản tiếp nhận người phạm tội là Quách Văn T ra đầu thú ngày 05/9/2023; Vật chứng thu được là một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, dung lượng 64 GB, có số IMEI 356327105008574, đã qua sử dụng; Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG, ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; các biên bản ghi lời khai của những người tham gia tố tụng, biên bản hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa.

Xét thấy lời khai của bị cáo Quách Văn T trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử phù hợp với lời khai của bị hại Bùi Văn T2. Được chứng minh bằng vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở

khẳng định: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/9/2023, tại xóm L, xã S, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo Quách Văn T đã có hành vi trộm cắp của bị hại Bùi Văn T2 một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, dung lượng 64 GB, có số IMEI 356327105008574, đã qua sử dụng, có giá trị 5.413.000 (*Năm triệu bốn trăm mười ba nghìn*) đồng. Trong đó, giá trị chiếc điện thoại IPHONE 11 là 5.400.000 đồng, giá trị của ốp nhựa điện thoại là 13.000 đồng.

Bị cáo Quách Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo trộm cắp tài sản nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị hại Bùi Văn T2 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Quách Văn T.

[3] Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng.

[4] Về nhân thân: Năm 2021, bị cáo bị Công an quận T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng, do xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính ngày 02/3/2021 và đã được xóa tiền sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; bị hại trong vụ án cũng có lỗi trong việc để tài sản sơ hở, không có biện pháp bảo vệ. Mặt khác, về phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo - Đó là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Mặc dù, năm 2021 bị Công an quận T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị cao, nên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Xử lý vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 cùng với 01 ốp lưng của điện thoại cho bị hại Bùi Văn T2 (Sau khi đã định giá tài sản) là đúng quy định của pháp luật. Về phía bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì, nên không xem xét xử lý.

Đối xe mô tô biển kiểm soát 29Y5 - 693.04 của anh Nguyễn Thế D. Xét thấy, anh D không có lỗi gì trong việc bị cáo sử dụng xe mô tô và trộm cắp tài sản của người khác. Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cùng với đăng ký xe mô tô và giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS cho anh D là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Quách Văn T 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 04/01/2024).

Giao bị cáo Quách Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Quách Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- CQĐT Công an huyện Tân Lạc;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Văn Mạnh